

Số: 319/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 34**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định 76-QĐ/TU ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế chính quyền địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 4688/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025, Tờ trình số 4689/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025, Báo cáo số 747/BC-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 306/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 307/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã; tổng số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026, như sau:

1. Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh: **5.016** (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh: **23.845**.

Điều 2. Quyết định số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: **1.070** (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng hiệu quả biên chế, hợp đồng lao động theo đúng quy định hiện hành; triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về rà soát, sắp xếp biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ bảo đảm hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp liên thông, không gián đoạn, hiệu lực và hiệu quả, đẩy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tiễn; thực hiện tinh giản biên chế theo chỉ đạo của Trung ương và lộ trình của tỉnh; sử dụng có hiệu quả số lượng hợp đồng lao động được giao, bảo đảm bố trí đủ giáo viên đứng lớp, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, kịp thời hướng dẫn thanh tra, kiểm tra việc triển khai ký kết hợp đồng lao động theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

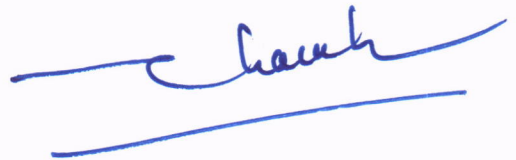
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ2.

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh

PHỤ LỤC I

**Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính
nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Quảng Ninh năm 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh)

TT	Tên đơn vị, địa phương	Biên chế cán bộ, công chức năm 2026
	Tổng cộng (I+II+III)	5.016
I	Các sở, ban, ngành	1.554
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	39
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	94
3	Ban An toàn giao thông	5
4	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	45
5	Sở Ngoại vụ	25
6	Sở Tư pháp	31
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	57
8	Sở Y tế	84
9	Sở Dân tộc và Tôn giáo	25
10	Sở Công Thương	151
11	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	67
12	Sở Tài chính	116
13	Sở Khoa học và Công nghệ	58
14	Sở Xây dựng	111
15	Sở Nội vụ	95
16	Sở Nông nghiệp và Môi trường	411
17	Thanh tra tỉnh	140
II	Các xã, phường, đặc khu	3.120
1	Phường Tuần Châu	47
2	Phường Việt Hưng	49
3	Phường Bãi Cháy	49
4	Phường Hà Tu	47
5	Phường Hà Lâm	49
6	Phường Cao Xanh	49
7	Phường Hồng Gai	53
8	Phường Hạ Long	53
9	Phường Hoành Bồ	53

Nguyễn Văn...

TT	Tên đơn vị, địa phương	Biên chế cán bộ, công chức năm 2026
10	Xã Quảng Lã	48
11	Xã Thông Nhất	50
12	Xã Hải Sơn	47
13	Xã Hải Ninh	48
14	Xã Vĩnh Thục	47
15	Phường Móng Cái 1	70
16	Phường Móng Cái 2	54
17	Phường Móng Cái 3	48
18	Phường Yên Tử	54
19	Phường Vàng Danh	58
20	Phường Uông Bí	74
21	Phường Mông Dương	50
22	Phường Quang Hanh	64
23	Phường Cẩm Phả	80
24	Phường Cửa Ông	69
25	Xã Hải Hòa	44
26	Phường An Sinh	55
27	Phường Đông Triều	76
28	Phường Bình Khê	48
29	Phường Mạo Khê	78
30	Phường Hoàng Quế	53
31	Phường Đông Mai	48
32	Phường Hiệp Hòa	48
33	Phường Quảng Yên	55
34	Phường Hà An	47
35	Phường Phong Cốc	53
36	Phường Liên Hòa	58
37	Xã Tiên Yên	50
38	Xã Điền Xá	48
39	Xã Đông Ngũ	49
40	Xã Hải Lăng	47
41	Xã Hoành Mô	49
42	Xã Lục Hồn	49



TT	Tên đơn vị, địa phương	Biên chế cán bộ, công chức năm 2026
43	Xã Bình Liêu	51
44	Xã Lương Minh	47
45	Xã Kỳ Thượng	47
46	Xã Ba Chẽ	65
47	Xã Quảng Tân	68
48	Xã Đầm Hà	76
49	Xã Cái Chiên	33
50	Xã Quảng Hà	68
51	Xã Đường Hoa	50
52	Xã Quảng Đức	53
53	Đặc khu Vân Đồn	232
54	Đặc khu Cô Tô	65
III	Dự phòng	342



PHỤ LỤC II

**Quyết định số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và
phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh)

TT	Tên đơn vị, địa phương	Số lượng hợp đồng lao động
	Tổng số (I+II)	1.070
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	202
II	Ủy ban nhân dân cấp xã	868
1	Phường Tuần Châu	16
2	Phường Việt Hưng	49
3	Phường Bãi Cháy	36
4	Phường Hà Tu	19
5	Phường Hà Lâm	43
6	Phường Cao Xanh	26
7	Phường Hồng Gai	69
8	Phường Hạ Long	59
9	Phường Hoàn Kiếm	10
10	Xã Quảng La	10
11	Xã Thống Nhất	12
12	Xã Hải Sơn	6
13	Xã Hải Ninh	10
14	Xã Vĩnh Thục	8
15	Phường Móng Cái 1	61
16	Phường Móng Cái 2	32
17	Phường Móng Cái 3	17
18	Phường Yên Tử	41
19	Phường Vàng Danh	20
20	Phường Uông Bí	33
21	Phường Mông Dương	11
22	Phường Quang Hanh	17
23	Phường Cẩm Phả	31
24	Phường Cửa Ông	-
25	Xã Hải Hòa	-
26	Phường An Sinh	18
27	Phường Đông Triều	11

Nhau

TT	Tên đơn vị, địa phương	Số lượng hợp đồng lao động
28	Phường Bình Khê	-
29	Phường Mao Khê	9
30	Phường Hoàng Quế	11
31	Phường Đông Mai	13
32	Phường Hiệp Hòa	23
33	Phường Quảng Yên	9
34	Phường Hà An	23
35	Phường Phong Cốc	19
36	Phường Liên Hòa	24
37	Xã Tiên Yên	-
38	Xã Điền Xá	-
39	Xã Đông Ngũ	-
40	Xã Hải Lạng	-
41	Xã Hoàn Mô	-
42	Xã Lục Hồn	-
43	Xã Bình Liêu	-
44	Xã Lương Minh	3
45	Xã Kỳ Thượng	7
46	Xã Ba Chẽ	-
47	Xã Quảng Tân	16
48	Xã Đàm Hà	-
49	Xã Cái Chiên	2
50	Xã Quảng Hà	22
51	Xã Đường Hoa	11
52	Xã Quảng Đức	11
53	Đặc khu Vân Đồn	-
54	Đặc khu Cô Tô	-

